

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2008/NQ-HĐND

Quy Nhơn, ngày 22 tháng 8 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban hành Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của HĐND và UBND tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Sau khi xem xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2008 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1. Nhất trí ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí (có Quy định kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

HĐND tỉnh giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực HĐND tỉnh, các ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh theo trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 22/8/2008./.

CHỦ TỊCH

Vũ Hoàng Hà

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**V/v ban hành bổ sung, sửa đổi và bãi bỏ một số loại phí,
lệ phí trên địa bàn tỉnh**

*(Kèm theo Nghị quyết số 03/2008/NQ-HĐND ngày 22/8/2008
của HĐND tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 12)*

I. Quy định bổ sung phí, lệ phí.

1. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

a. Cơ quan thu: Cơ quan thuế.

b. Mức

Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu
1. Đá:	đồng/m³	
- Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa ...)		50.000
- Quặng đá quý (kim cương, rubi, saphia, emôrit, alexandrit, opal quý màu đen, adit, rôđolit, pyrôp, berin, spinen, topaz, thạch anh tinh thể, crizolit, pan quy, birusa, nephrit ...)		50.000
- Đá làm vật liệu xây dựng thông thường		1.000
- Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp...)		2.000
2. Fenspat	đồng/m³	20.000
3. Sỏi, cuội, sạn	đồng/m³	4.000
4. Cát:	đồng/m³	
- Cát vàng (cát xây, tô)		3.000
- Cát thủy tinh		5.000
- Các loại cát khác		2.000
5. Đất:	đồng/m³	
-Đất sét làm gạch, ngói		1.500
-Đất làm thạch cao		2.000
-Đất làm cao lanh		5.000
-Các loại đất khác		1.000
6.Than:	đồng/tấn	
-Than đá		6.000
-Than bùn		2.000

Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu
-Các loại than khác		4.000
7.Nước khoáng thiên nhiên	đồng/m³	2.000
8. Sa khoáng titan	đồng/tấn	50.000
9. Quặng apatit	đồng/tấn	3.000
10. Quặng khoáng sản kim loại	đồng/tấn	
-Man gan		30.000
-Sắt		40.000
-Chì		180.000
-Kẽm		180.000
-Đồng		35.000
-Boxit		30.000
-Thiếc		180.000
-Cromit		40.000
-Khoáng sản kim loại khác		10.000

c. 100% số thu phí nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

a. Cơ quan thu:

- Ban Quản lý Khu kinh tế Nhơn Hội: Đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư ngoài địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội.

b. Mức thu:

Đvt: Đồng /báo cáo

Loại báo cáo	Mức thu
1. Báo cáo tác động môi trường chính thức	5.000.000
2. Báo cáo tác động môi trường bổ sung	2.500.000

c. Tỷ lệ % để lại: Cơ quan thu được để lại 100% số phí thu được để chi theo quy định.

3. Lệ phí địa chính.

a. Đối tượng nộp:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính.

b. Đối tượng miễn thu:

Miễn thu lệ phí địa chính khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn bao gồm cả hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn và các phường ngoại thành Quy Nhơn (*hoặc sản xuất kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp*) và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, giao đất ở cho hộ gia đình thuộc hộ nghèo, giao đất cho hộ gia đình mà chủ hộ là bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con của liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

c. Mức thu:

Số TT	CÔNG VIỆC ĐỊA CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU		
			Cá nhân, hộ gia đình		Tổ chức
			<i>Các phường nội thành thuộc thành phố Quy Nhơn</i>	<i>Khu vực khác</i>	
1	2	3	4	5	6
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/giấy	25.000	Miễn	100.000
2	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	đồng/lần	15.000	7.000	20.000
3	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	đồng/lần	10.000	5.000	20.000
4	Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác nhận tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất	đồng/lần	20.000	10.000	20.000

d. Tỷ lệ % để lại: Cơ quan thu được trích để lại 30% số tiền lệ phí địa chính thu được để chi theo quy định; số tiền lệ phí địa chính còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Lệ phí đăng ký cư trú.

a. Cơ quan thu: Công an xã, phường, thị trấn và Công an thành phố Quy Nhơn.

b. Mức thu:

Số T T	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Các phường nội thành của thành phố Quy Nhơn	Khu vực khác
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	đồng/lần đăng ký	10.000	5.000
2	Cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	đồng/lần cấp	15.000	7.500
	Riêng cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	đồng/lần cấp	8.000	4.000

	theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà			
3	Đính chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	đồng/lần đính chính	5.000	2.500

- Tỷ lệ để lại cho cơ quan thu:

+ Công an phường và Công an thành phố Quy Nhơn 50%

+ Công an xã thị trấn 100%

5. Lệ phí chứng minh nhân dân.

a. Cơ quan thu: Công an huyện, thành phố và Công an tỉnh.

b. Mức thu:

Số T T	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Các phường nội thành của thành phố Quy Nhơn	Khu vực khác
	Cấp lại, đổi chứng minh nhân dân	Đồng/lần cấp	6.000	3.000

c. Tỷ lệ % để lại cho cơ quan thu:

+ Công an huyện, thành phố: 100%

+ Công an tỉnh: 100%

II. Quy định sửa đổi, bổ sung phí, lệ phí.

1. Học phí Trường Cao đẳng nghề Quy Nhơn.

a. Cơ quan thu: Trường Cao đẳng nghề Quy Nhơn.

b. Mức thu:

- Hệ cao đẳng nghề: 150.000 đồng/tháng/sinh viên;

- Hệ trung cấp nghề 100.000 đồng/tháng/học viên.

c. Tỷ lệ % để lại: Trường Cao đẳng nghề Quy Nhơn được để lại 100% số tiền học phí thu được để chi theo quy định.

d. Miễn giảm học phí thực hiện theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 29/2/2008 của UBND tỉnh.

2. Phí trông giữ xe đạp, xe máy.

Điều chỉnh mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy tại các bệnh viện được quy định tại Nghị Quyết số 55/2005/NQ-HĐND ngày 15/12/2005 của HĐND tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 5 như sau:

- Phí trông giữ xe đạp: 500 đồng/lượt;

- Phí trông giữ xe máy: 1.000 đồng/lượt.

III. Bãi bỏ quy định phí qua đò tại Khu Du lịch hồ Núi Một .

Bãi bỏ quy định mức thu phí qua đò tại Khu Du lịch hồ Núi Một do Xí nghiệp dịch vụ khai thác thủy lợi tổ chức thu được quy định tại Nghị quyết số 55/2005/NQ-HĐND ngày 15/12/2005 của HĐND tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 5.